

Phụ lục III

BỘ TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng (ghi số ký hiệu, trích yếu văn bản)
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	9.0		
1.1	Kế hoạch Cải cách hành chính năm	1.5		
	<i>Kế hoạch đảm bảo thời gian, chất lượng: 1.5</i>			
	<i>Kế hoạch đảm bảo thời gian nhưng chất lượng hạn chế: 1.0</i>			
	<i>Kế hoạch không đảm bảo chất lượng và thời gian hoặc không ban hành kế hoạch: 0</i>			
1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1.5		
	<i>Hoàn thành từ 80% -100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành}) \times 1.5}{100\%} \right]$			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
1.3	Công tác rà soát, đôn đốc, chỉ đạo các nhiệm vụ tại Kế hoạch CCHC năm và chỉ đạo của cấp trên.	1.0		
	<i>Có văn bản chỉ đạo của đơn vị sau rà soát: 1.0</i>			
	<i>Không có văn bản chỉ đạo của đơn vị sau rà soát: 0</i>			

1.4	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về CCHC (02 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm)	1.5		
	<i>Đảm bảo quy định (thời gian và nội dung): (Báo cáo quý I, quý III: mỗi báo cáo 0.25; Báo cáo 6 tháng, báo cáo năm: mỗi báo cáo 0.5)</i>			
1.5	Kết quả khắc phục tồn tại hạn chế sau kiểm tra do cấp trên chỉ ra, sau khi có kết quả xếp loại chỉ số CHCC của cấp huyện.	1.0		
	<i>Kết quả khắc phục kịp thời, đạt hiệu quả cao: 1.0</i>			
	<i>Kết quả khắc phục kịp thời nhưng hiệu quả còn hạn chế: 0.5</i>			
	<i>Không khắc phục hoặc chậm khắc phục: 0</i>			
1.6	Công tác tuyên truyền CCHC	1.0		
1.6.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0.5		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5</i>			
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0.25</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</i>			
1.6.2	Kế hoạch tuyên truyền CCHC	0.5		
1.6.2.1	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các cuộc họp giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết (tổ chức hội nghị riêng về CCHC hoặc lồng ghép nội dung CCHC trong các cuộc hội nghị sơ kết, tổng kết các lĩnh vực khác) và trên trang thông tin điện tử của đơn vị:</i>			
	<i>Có triển khai thực hiện: 0.25</i>			
	<i>Không triển khai thực hiện: 0</i>			

1.6.2.2	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng</i>			
	<i>Có triển khai thực hiện: 0.25</i>			
	<i>Không triển khai thực hiện: 0</i>			
1.7	Sáng kiến/giải pháp mới trong cải cách hành chính	1.5		
	<i>Có sáng kiến (giải pháp mới) cấp tỉnh (năm trước liền kề): 1.5</i>			
	<i>Có sáng kiến (giải pháp mới) cấp cơ sở: 1.0</i>			
	<i>Không có sáng kiến (giải pháp mới): 0</i>			
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI ĐƠN VỊ	5.5		
2.1	Chất lượng văn bản QPPL cấp xã ban hành (nếu UBND cấp xã không ban hành VBQPPL do không có nhiệm vụ hoặc không được giao thì đạt điểm tối đa của tiêu chí)	0.5		
	<i>Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp: 0.5</i>			
	<i>Không đảm bảo tính hợp hiến hoặc tính hợp pháp: 0</i>			
2.2	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL (nếu UBND cấp xã không ban hành VBQPPL do không có nhiệm vụ hoặc không được giao thì đạt điểm tối đa của tiêu chí)	0.5		
	<i>100% văn bản được giao tham mưu xây dựng đúng quy trình: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% văn bản được giao tham mưu xây dựng không đúng quy trình: 0</i>			
2.3	Công tác góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành	1.0		

	<i>Thực hiện kịp thời, đầy đủ, có chất lượng 100% văn bản: 1.0</i>			
	<i>Thực hiện kịp thời, đầy đủ, có chất lượng từ 80% - dưới 100% văn bản: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện không kịp thời, đầy đủ, có chất lượng dưới 80%:0</i>			
2.4	Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo quy định	1.0		
2.4.1	Tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo quy định	0.5		
	<i>Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời 100% văn bản: 0.5</i>			
	<i>Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời từ 80% - dưới 100% văn bản: 0.25</i>			
	<i>Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời dưới 80% văn bản: 0</i>			
2.4.2	Xử lý kết quả rà soát (<i>Nếu thông qua rà soát không có vấn đề phát hiện thì đạt điểm tối đa của tiêu chí</i>)	0.5		
	<i>Phát hiện xử lý kịp thời 100% văn bản: 0.5</i>			
	<i>Phát hiện xử lý kịp thời từ 80% - dưới 100% văn bản: 0.25</i>			
	<i>Phát hiện xử lý dưới 80% văn bản:0</i>			
2.5	Tổ chức thực hiện văn bản QPPL của cấp trên và của đơn vị tại địa phương	1.0		
	<i>Kịp thời, đầy đủ, đúng quy định 100% văn bản: 1.0</i>			
	<i>Kịp thời, đầy đủ, đúng quy định từ 80% - dưới 100% văn bản: 0.5</i>			
	<i>Kịp thời, đầy đủ, đúng quy định dưới 80% văn bản: 0</i>			
2.6	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	1.0		

2.6.1	Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	0.25		
	<i>Ban hành đúng quy định (thời gian và nội dung): 0.25</i>			
	<i>Ban hành không đúng quy định (thời gian và nội dung): 0</i>			
2.6.2	Xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật (<i>Nếu không có vấn đề phát hiện thì đạt điểm tối đa của tiêu chí</i>)	0.25		
	<i>Xử lý thông tin đầy đủ, kịp thời 100%: 0.25</i>			
	<i>Xử lý thông tin đầy đủ, kịp thời dưới 100%: 0</i>			
2.6.3	Xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật (<i>Nếu không có vấn đề phát hiện thì đạt điểm tối đa của tiêu chí</i>)	0.5		
	<i>Ban hành đầy đủ, kịp thời 100% văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL: 0.5</i>			
	<i>Ban hành đầy đủ, kịp thời từ 80% - dưới 100% văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL: 0.25</i>			
	<i>Ban hành đầy đủ, kịp thời dưới 80% văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL: 0</i>			
2.7	Thực hiện chế độ báo cáo lĩnh vực Cải cách thể chế	0.5		
2.7.1	Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát VBQPPL	0.25		
	<i>Đúng quy định (thời gian và nội dung): 0.25</i>			
	<i>Không đúng quy định (thời gian hoặc nội dung): 0</i>			
2.7.2	Báo cáo năm về tình hình theo dõi thi hành pháp luật	0.25		
	<i>Đúng quy định (thời gian và nội dung): 0.25</i>			
	<i>Không đúng quy định (thời gian hoặc nội dung): 0</i>			

3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	14.0		
3.1	Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)	2.0		
3.1.1	Niêm yết, công khai TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có)	1.0		
	<i>100% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được niêm yết, công khai đầy đủ, đúng quy định: 1.0</i>			
	<i>Từ 95% - dưới 100% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 95% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0</i>			
3.1.2	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (trừ các TTHC đặc thù)	1.0		
	<i>100% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết: 1.0</i>			
	<i>Từ 98% - dưới 100% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết: 0.5</i>			
	<i>Dưới 98% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết: 0</i>			
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	4.0		
3.2.1	Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận tại Bộ phận "Một cửa".	1.0		
	<i>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (trừ các TTHC đặc thù): 1.0</i>			
	<i>Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (trừ các TTHC đặc thù): 0</i>			
3.2.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC (trường hợp không có sai sót, trễ hẹn thì được tính điểm tối đa của tiêu chí)	2.0		

	<i>100% số TTHC bị trễ hạn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 2.0</i>			
	<i>Từ 98% - dưới 100% số TTHC bị trễ hạn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 1.0</i>			
	<i>Dưới 98% số TTHC bị trễ hạn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 0</i>			
3.2.3	Thực hiện lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	1.0		
	<i>Triển khai các cách thức khác nhau (thiết bị điện tử, phiếu đánh giá, chức năng đánh giá trực tuyến của hệ thống thông tin một cửa điện tử để lấy ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã): 1.0</i>			
	<i>Không triển khai các cách thức khác nhau (thiết bị điện tử, phiếu đánh giá, chức năng đánh giá trực tuyến của hệ thống thông tin một cửa điện tử để lấy ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã): 0</i>			
3.3	Kết quả giải quyết TTHC	3.0		
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn			
	<i>Từ 96% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ đúng hạn}) \times 3.0}{100\%} \right]$			
	<i>Dưới 96% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>			
3.4	Rà soát, đánh giá TTHC	2.0		
3.4.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm	1.0		

	<i>Ban hành Kế hoạch đúng quy định: 1.0</i>			
	<i>Ban hành Kế hoạch nhưng không đúng quy định (chất lượng, thời gian): 0.5</i>			
	<i>Không ban hành Kế hoạch: 0</i>			
3.4.2	<i>Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát, đánh giá TTHC (trường hợp qua rà soát không có vấn đề phát hiện được điểm tối đa của tiêu chí)</i>	1.0		
	<i>Có báo cáo phương án đơn giản hóa TTHC gửi cơ quan có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định nhưng không được UBND huyện trình UBND tỉnh đưa vào phương án đơn giản hóa để phê duyệt: 1.0</i>			
	<i>Có báo cáo phương án đơn giản hóa TTHC gửi cơ quan có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định nhưng không được UBND huyện trình UBND tỉnh đưa vào phương án đơn giản hóa để phê duyệt: 0.5</i>			
	<i>Không có báo cáo: 0</i>			
3.5	Phản ánh kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	2.0		
3.5.1	<i>Niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN tại bộ phận "Một cửa" và trên trang thông tin điện tử của đơn vị</i>	1.0		
	<i>Thực hiện niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN: 1.0</i>			
	<i>Có niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN nhưng không đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN: 0</i>			
3.5.2	<i>Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (nếu không có phản ánh, kiến nghị thì đạt điểm tối đa của tiêu chí)</i>	1.0		
	<i>100% số PAKN được xử lý đúng quy định: 1.0</i>			

	<i>Từ 95% - dưới 100% số PAKN được xử lý đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 95% số PAKN được xử lý đúng quy định: 0</i>			
3.6	Báo cáo định kỳ, quý, năm và đột xuất về công tác kiểm soát TTHC	1.0		
	<i>Báo cáo đầy đủ và đúng quy định (thời gian, nội dung và biểu mẫu): 1.0</i>			
	<i>Có đầy đủ báo cáo nhưng không đúng quy định (thời gian, nội dung, biểu mẫu): 0.5</i>			
	<i>Không đầy đủ báo cáo hoặc hoặc không có báo cáo: 0</i>			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	9.0		
4.1	Thực hiện chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về tổ chức bộ máy	3.0		
	<i>Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị tinh gọn, hiệu quả, kịp thời (chậm nhất là 03 tháng kể từ ngày quy định mới của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành) bố trí đảm bảo đúng quy định về cơ cấu số lượng CBCC).</i>			
	<i>Thực hiện đúng quy định, phù hợp với thực tiễn, hiệu quả và kịp thời: 3.0</i>			
	<i>Thực hiện đúng quy định, phù hợp với thực tiễn, hiệu quả nhưng không kịp thời: 2.0</i>			
	<i>Thực hiện không đúng quy định, không phù hợp với thực tiễn, kém hiệu quả và không kịp thời: 0</i>			
4.2	Thực hiện các nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện giao	3.0		
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ từ 90% - dưới 100% số nhiệm vụ được giao trong năm thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i>			
	$\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 3.0)}{100\%} \right]$			

	<p>Hoàn thành đúng tiến độ từ 80% - dưới 90% số nhiệm vụ được giao trong năm thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2.0)}{90\%} \right]$	2.0		
	<p>Hoàn thành từ 60% - 80% số nhiệm vụ được giao theo tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.0)}{80\%} \right]$	1.0		
	Hoàn thành dưới 60% số nhiệm vụ được giao theo tiến độ hoặc hoàn thành nhiệm vụ nhưng chậm tiến độ: 0	0.0		
4.3	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị trong năm theo chương trình khung, kế hoạch trọng tâm năm hoặc chương trình công tác năm.	3.0		
	Tốt: 3.0			
	Khá: 2.0			
	Trung bình: 0			
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	11.0		
5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định	1.0		
	Đúng quy định: 1.0			
	Không đúng quy định: 0			
5.2	Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị.	1.0		

	<i>Đúng quy định: 1.0</i>			
	<i>Đúng quy định nhưng chưa kịp thời: 0.5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của đơn vị	1.0		
	<i>Hoàn thành từ 80% -100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.0)}{100\%} \right]$			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
5.4	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	1.5		
	<i>Từ 95% đến 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định thì tính điểm theo công thức:</i> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% cán bộ cấp xã đạt chuẩn} \times 1.5)}{100\%} \right]$			
	<i>Dưới 95% cán bộ đạt chuẩn:0</i>			
5.5	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	1.0		
	<i>Từ 95% đến 100% công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% công chức cấp xã đạt chuẩn} \times 1.0)}{100\%} \right]$			

	<i>Dưới 95% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0</i>			
5.6	Cập nhật thông tin cán bộ công chức viên chức vào phần mềm quản lý CBCCVC của tỉnh	1.0		
	<i>Đầy đủ và đúng quy định: 1.0</i>			
	<i>Thiếu một số nội dung được cập nhật trong phần mềm hoặc một số thông tin cập nhật không chính xác: 0.5</i>			
	<i>Thiếu nhiều nội dung được cập nhật trong phần mềm hoặc nhiều thông tin cập nhật không chính xác: 0</i>			
5.7	Kỷ luật, kỷ cương hành chính	2.0		
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị bị kỷ luật: 2.0</i>			
	<i>Trong năm phát hiện CBCCVC vi phạm thực hiện xử lý kỷ luật đúng quy định: 1.0</i>			
	<i>Trong năm có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm nhưng xử lý không đúng quy định: 0</i>			
5.8	Hồ sơ CBCCVC	1.0		
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1.0</i>			
	<i>Thực hiện đúng quy định nhưng chưa đầy đủ: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>			
5.9	Thực hiện quy định về văn hóa công vụ tại đơn vị	1.00		
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời đúng quy định (ban hành văn bản, tổ chức thực hiện): 1.0</i>			
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ, chất lượng hạn chế: 0.5</i>			

	<i>Không thực hiện đúng quy định (không ban hành văn bản, tổ chức thực hiện không đúng hoặc chất lượng kém): 0</i>			
5.10	Báo cáo về lĩnh vực CBCCVC (định kỳ, đột xuất)	0.5		
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>			
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6.0		
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính ngân sách	5.0		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước hàng năm	1.0		
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao: 1.0</i>			
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 60% - dưới 90% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 1.0)}{100\%} \right]$			
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 60% so với kế hoạch được giao: 0</i>			
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách	1.5		
	<i>100% số kiến nghị được thực hiện: 1.5</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số kiến nghị được thực hiện: 1.0</i>			
	<i>Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0</i>			
6.1.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	2.5		

6.1.3.1	Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công	1.5		
	<i>Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đảm bảo đúng quy định: 1.5</i>			
	<i>Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện chưa đảm bảo đúng quy định: 1.0</i>			
	<i>Chưa xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: 0</i>			
6.1.3.2	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương	1.0		
	<i>Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 1.0</i>			
	<i>Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>			
6.2	Công khai tài chính	1.0		
	<i>Thực hiện công khai đảm bảo đúng quy định: 1.0</i>			
	<i>Thực hiện công khai nhưng chưa đảm bảo quy định: 0.5</i>			
	<i>Chưa thực hiện công khai: 0</i>			
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	13.5		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của cơ quan, đơn vị	8.0		
7.1.1	Kế hoạch Ứng dụng CNTT	1.0		
	<i>Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT đúng quy định, chất lượng cao: 1.0</i>			
	<i>Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT đúng thời gian nhưng chất lượng hạn chế: 0.5</i>			

	<i>Không ban hành Kế hoạch hoặc ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT chậm, chất lượng hạn chế: 0</i>			
7.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch Ứng dụng CNTT	1.0		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1.0</i>			
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0.5</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</i>			
7.1.3	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử (có ký số) trên các phần mềm quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành của cấp huyện.	1.0		
	<i>Từ 90%-100% văn bản thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% văn bản} \times 1.0)}{100\%} \right]$			
	<i>Dưới 90% văn bản: 0</i>			
7.1.4	Việc ứng dụng phần mềm chỉ đạo, điều hành công việc tại đơn vị	1.0		
	<i>100% CBCC ứng dụng tốt phần mềm: 1.0</i>			
	<i>Từ 90% - dưới 100% CBCC ứng dụng tốt phần mềm: 0.5</i>			
	<i>Dưới 90% CBCCVC ứng dụng tốt phần mềm: 0</i>			
7.1.5	Ứng dụng phần mềm một cửa điện tử tại đơn vị	2.0		
	<i>Từ 60% - 100% hồ sơ TTHC được cập nhật vào phần mềm thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 2.0)}{100\%} \right]$			

	<i>Dưới 60% số hồ sơ TTHC: 0 điểm.</i>			
7.1.6	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm.	0.5		
	<i>Từ 20% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.5</i>			
	<i>Từ 10% - 20% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.25</i>			
	<i>Dưới 10% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0</i>			
7.1.7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3.	0.5		
	<i>Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5</i>			
	<i>Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i>			
	$\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 0.5)}{20\%} \right]$			
	<i>Dưới 10% số TTHC: 0 điểm</i>			
7.1.8	Chất lượng cổng TTĐT	1.0		
	<i>Thông tin cập nhật đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1.0</i>			
	<i>Thông tin cập nhật đầy đủ, đúng quy định nhưng một số nội dung chưa kịp thời: 0.5</i>			
	<i>Thông tin cập nhật không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không kịp thời: 0</i>			
7.2	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO (ISO 9001) theo quy định	5.5		
7.2.1	Công tác chỉ đạo điều hành việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến ISO	1.0		

	9001:2008 (2015)			
	<i>Có ban hành văn bản chỉ đạo đầy đủ, kịp thời: 1.0</i>			
	<i>Có ban hành văn bản chỉ đạo nhưng chưa đầy đủ kịp thời: 0.5</i>			
	<i>Không có văn bản chỉ đạo điều hành: 0</i>			
7.2.2	Thực hiện việc ban hành, phân phối, kiểm soát, cập nhật tài liệu hệ thống quản lý chất lượng.	0.5		
	<i>Có thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kịp thời: 0</i>			
7.2.3	Niềm yết, công khai chính sách chất lượng, Quyết định công bố trên trụ sở và công thông tin của đơn vị.	1.0		
	<i>Có niêm yết và cập nhật theo quy định: 1.0</i>			
	<i>Không niêm yết và cập nhật theo quy định: 0</i>			
7.2.4	Việc áp dụng và vận hành các quy trình trong giải quyết công việc và TTHC (Thông qua bốc mẫu hồ sơ để đánh giá)	1.5		
	<i>Tuân thủ theo quy trình đã công bố: 1.5</i>			
	<i>Đáp ứng từ 90% - dưới 100% theo quy trình: 1.0</i>			
	<i>Đáp ứng từ 70% - dưới 90% theo quy trình: 0.5</i>			
	<i>Dưới 70% theo quy trình đã công bố: 0</i>			
7.2.5	Việc sắp xếp và lưu trữ tài liệu hồ sơ theo quy định	1.0		
	<i>Đảm bảo từ 90% hồ sơ, tài liệu trở lên được lập danh mục hồ sơ, danh mục tài liệu: 1.0</i>			

	<i>Đảm bảo từ 75% - dưới 90% hồ sơ, tài liệu được lập danh mục hồ sơ, danh mục tài liệu: 0.5</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 75% hồ sơ, tài liệu được lập danh mục hồ sơ, danh mục tài liệu: 0.25</i>			
	<i>Dưới 50% hồ sơ, tài liệu được lập danh mục hồ sơ, danh mục tài liệu: 0</i>			
7.2.6	Việc thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và khắc phục sau đánh giá	0.5		
	<i>Có thực hiện (Cung cấp hồ sơ kiểm chứng): 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
8	TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG	2.0		
	<i>Thu ngân sách vượt chỉ tiêu theo kế hoạch được giao: 2.0</i>			
	<i>Thu ngân sách hoàn thành chỉ tiêu theo kế hoạch được giao: 1.5</i>			
	<i>Thu ngân sách không hoàn thành chỉ tiêu theo kế hoạch được giao: 0</i>			
9	ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ HÀI LÒNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC <i>(khảo sát, đo lường sự hài lòng)</i>	30.0		
	Tổng điểm	100.0		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH